

SỞ GIAO DỊCH
CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI
Số: **545** /SGDHN-QLNY
V/v giải trình và CBTT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày **01** tháng **4** năm 2015



Kính gửi: CTCP Đầu tư Phát triển Dịch vụ Công trình công cộng
Đức Long Gia Lai

Ngày 30/3/2015, Sở GDCK Hà Nội nhận được Báo cáo tài chính (BCTC) năm 2014 được kiểm toán của CTCP Đầu tư Phát triển Dịch vụ Công trình công cộng Đức Long Gia Lai (MCK:DL1) do Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC ký báo cáo kiểm toán ngày 21/3/2015.

Sau khi xem xét, Sở GDCK Hà Nội đề nghị Công ty thực hiện công bố thông tin về giải trình liên quan đến các số liệu tài chính tại BCTC 4/2014 do công ty tự lập khác so với số liệu tài chính tại BCTC kiểm toán năm 2014 theo quy định tại Điểm 1.6 Khoản 1 Điều 11 Thông tư 52/2012/TT-BTC ngày 05/4/2012 hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Văn bản giải trình và công bố thông tin đề nghị gửi về Phòng Quản lý Niêm yết, Sở GDCK Hà Nội, số 02 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội chậm nhất ngày 06/4/2015.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu VT, QLNY.



Nguyễn Văn Hoàng Tường

**CTY CỔ PHẦN ĐTP TDVCTCC
ĐỨC LONG GIA LẠI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 69 /TT-CT

V/v giải trình chênh lệch giữa
BCTC kiểm toán 2014 và BCTC tự lập

Pleiku, ngày 6 tháng 4 năm 2015

**Kính gửi : - Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước;
- Sở Giao Dịch Chứng khoán Hà Nội**

- Căn cứ nội dung công bố Báo cáo tài chính năm 2014 V/v chênh lệch giữa BCTC kiểm toán 2014 và BCTC tự lập, Công ty xin trình bày:

* Báo cáo tài chính kiểm toán:

I- Bảng cân đối kế toán :

- Mã số 222: Nguyên giá : 35.635.539.608 đồng
- Mã số 223: Giá trị hao mòn lũy kế : (10.354.913.801) đồng
- Mã số 314: Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước : 973.958.579 đồng
- Mã số 420: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối : 4.216.883.913 đồng

II- Báo cáo kết quả kinh doanh:

- Mã số 11 : Gia vốn hàng bán : 14.902.994.054 đồng
- Mã số 24 : Chi phí bán hàng : 611.663.244 đồng
- Mã số 25 : Chi phí quản lý doanh nghiệp : 3.047.572.267 đồng
- Mã số 51: Chi phí thuế TNDN hiện hành : 933.253.539 đồng

* Báo cáo tài chính tự lập:

- Mã số 222: Nguyên giá : 35.499.138.880 đồng
- Mã số 223: Giá trị hao mòn lũy kế : (10.351.503.783) đồng
- Mã số 314: Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước : 824.489.014 đồng
- Mã số 420: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối : 4.233.362.768 đồng

Đơn vị hạch toán tiền thuế nhằm khi mua xe ô tô 4 chỗ thuế đầu vào : 368.181.818 đồng trong đó được khấu trừ 160.000.000 đồng khấu trừ tỷ lệ 0,6552 doanh thu chịu thuế và không chịu thuế và điều chỉnh lại số thuế đã khấu trừ của tài sản trên 1 tỷ 6 đồng ghi nhận tăng giá trị tài sản : 136.400.728 đồng thời tăng chi phí khấu hao: 3.410.018 đồng , giảm lợi nhuận : 3.410.018 đồng .

- Mã số 11 : Gia vốn hàng bán : 14.772.251.951 đồng
- Mã số 24 : Chi phí bán hàng : 552.532.262 đồng
- Mã số 25 : Chi phí quản lý doanh nghiệp : 3.234.035.334 đồng



Đơn vị hạch toán phân bổ lại chi phí bảo hiểm đã hạch toán nhằm vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp; phân bổ lại giá vốn hàng bán tăng : 130.742.103 đồng và chi phí bán hàng tăng : 59.130.982 đồng, chi phí quản lý doanh nghiệp giảm : 189.873.085 đồng

Chi phí quản lý tăng (khấu hao tài sản bộ phận quản lý) : 3.410.018 đồng

- Mã số 314: Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước : 824.489.014 đồng

- Mã số 51: Chi phí thuế TNDN hiện hành : 920.184.702 đồng

Chi phí loại trừ tính thuế TNDN tăng (chi phí khấu hao tài sản trên 1 tỷ 6) : 68.754.200 đồng

Thuế giá trị gia tăng phân bổ lại phải nộp Nhà nước : 136.400.728 đồng

Thuế TNDN phải nộp Nhà nước tăng tăng: 13.068.837 đồng

Trân trọng kính trình!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.



GIÁM ĐỐC

CHU SỸ HOẠT

